

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG HÀ NỘI
VIỆN NGÔN NGỮ NƯỚC NGOÀI
BỘ MÔN TIẾNG ANH CƠ BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
-----***-----

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TIẾNG ANH 1

Hệ đào tạo: Đại học chính quy

Ngành: Công nghệ thông tin

(Ban hành theo QĐ số 291/QĐ-ĐHTNH ngày 30/6/2025 của Hiệu trưởng)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: **Tiếng Anh 1**
+ Tiếng Anh: English 1
- Mã học phần: DCB.04.06
- Số tín chỉ: 04
- Vị trí của học phần trong CTĐT:

STT	Khối kiến thức	Loại hình	
		Bắt buộc	Tự chọn
1	Kiến thức giáo dục đại cương	x	
2	Kiến thức cơ sở khối ngành		
3	Kiến thức cơ sở ngành		
4	Kiến thức chuyên ngành		

- Học phần học trước: Không
- Học phần song hành: Không
- Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 04 tín chỉ/200 tiết

Hoạt động trên lớp			Hoạt động khác
Lí thuyết (LT)	Bài tập, Thực hành, Thảo luận (TB, TH, TL)	Kiểm tra (KT)	(tự học, làm bài tập, nghiên cứu, trải nghiệm,...)
37	40	3	
80 tiết			120 tiết

(01 giờ chuẩn = 1 tiết LT, KT hoặc 2 tiết BT, TH, TL trên lớp)

- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Tiếng anh cơ bản
- Giảng viên phụ trách học phần (dự kiến):
 - 1) Họ và tên: ThS. Phạm Thị Thu Nga
Chức danh: Giảng viên
Thông tin liên hệ: ĐT: 0912166516; Email: phamthithunga@fbu.edu.vn
 - 2) Họ và tên: ThS. Lê Thị Yến
Chức danh: Giảng viên
Thông tin liên hệ: ĐT: 0904687937; Email: leyen@fbu.edu.vn

2. Mô tả học phần

Học phần Tiếng Anh 1 là học phần bắt buộc trong khối kiến thức đại cương dành cho sinh viên không chuyên tiếng Anh, gồm khối lượng kiến thức của 08 bài (Unit 1-Unit 8) trong cuốn giáo trình *Market Leader – Elementary (3rd Edition)* do các tác giả David Cotton, David Falvey, Simon Kent biên soạn.

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ pháp, từ vựng thương mại tiếng Anh; trang bị cho sinh viên các kỹ năng ngôn ngữ đọc, viết, nghe, nói tiếng Anh ở mức độ sơ cấp trong các tình huống giao tiếp kinh doanh.

Mỗi bài học gồm các phần tập trung vào các kiến thức về từ vựng (Vocabulary), trọng tâm ngôn ngữ (Language Focus), và đan xen các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết phát phục vụ mục đích giao tiếp bằng tiếng Anh thương mại. Sau mỗi bài học đều có 01 tình huống nghiên cứu điển hình (Case Study). Trong phần này, người học được cung cấp một tình huống thực tế gắn liền với nội dung bài đòi hỏi người học vận dụng kỹ năng nghe, nói, đọc, viết một cách linh hoạt.

3. Mục tiêu của học phần:

Mục tiêu học phần	Mô tả mục tiêu học phần Học phần nhằm:
CSO 1.1	Cung cấp cho sinh viên: - Vốn kiến thức ngữ pháp và cấu trúc câu cơ bản về các cách diễn đạt cho những tình huống giao tiếp bằng tiếng Anh. - Vốn từ vựng tiếng Anh thương mại để thực hiện giao tiếp đơn giản trong các tình huống và chủ đề quen thuộc.
CSO 2.1	Giúp sinh viên luyện 4 kỹ năng giao tiếp tiếng Anh cơ bản (nghe, nói, đọc, viết) ở mức sơ cấp liên quan đến các tình huống giao tiếp thương mại.
CSO 3.1	Có ý thức rèn luyện, sử dụng ngôn ngữ tiếng Anh trong các tình huống trong đời sống; có khả năng tự học, nâng cao trình độ chuyên môn.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mục tiêu học phần	CDR học phần	Mô tả chuẩn đầu ra học phần <i>Hoàn thành học phần này, người học:</i>	CDR của CTĐT	Mức độ đóng góp
CDR về kiến thức:				
CSO 1.1	CLO 1.1	Vận dụng được các kiến thức sơ cấp về phát âm, ngữ pháp, từ vựng trong các ngữ cảnh và tình huống giao tiếp thương mại bằng tiếng Anh.	PLO1.1 PI1.1.3	2
CDR về kỹ năng:				
CSO 2.1	CLO 2.1-1	Nghe hiểu các tình huống giao tiếp thương mại tiếng Anh thông thường với tốc độ nói chậm và rõ ràng.	PLO 2.3	2
	CLO 2.1-2	Giao tiếp bằng tiếng Anh trong các tình huống đơn giản liên quan đến thương mại.		2
	CLO 2.1-3	Đọc hiểu được các văn bản đơn giản thuộc các chủ đề quen thuộc trong thương mại, độ dài từ 100 đến 150 từ.		
	CLO 2.1-4	Viết đúng câu đơn ở các thời hiện tại đơn, quá khứ đơn, và câu so sánh hơn, so sánh nhất.		
CDR về năng lực tự chủ và trách nhiệm:				

Mục tiêu học phần	CDR học phần	Mô tả chuẩn đầu ra học phần Hoàn thành học phần này, người học:	CDR của CTĐT	Mức độ đóng góp
<i>CDR về kiến thức:</i>				
CSO 3.1	CLO 3.1	Chủ động đưa ra ý kiến khi thảo luận trong nhóm hoặc thảo luận trong lớp; có khả năng tự học tiếng Anh ngoài giờ lên lớp.	PLO 3.1 PI3.1.1	2

Mức độ đóng góp theo thang Bloom.

5. Học liệu:

5.1. Tài liệu chính:

[1]. David Cotton, David Falvey, Simon Kent, *Market Leader Business English Coursebook*, 3rd Edition, Elementary, Pearson Education (2012);

[2]. John Rogers, *Market Leader Business English Practice File*, 3rd Edition, Elementary, Pearson Education (2012);

5.2. Tài liệu tham khảo:

[1]. Self-study Material for Non-Major Students – English 01 (Tài liệu Viện Ngôn ngữ nước ngoài biên soạn).

[2]. Raymond Murphy, *English Grammar in Use*, Elementary, 4th Edition, Cambridge University Press (2012)

[3]. Jonathan Marks, *English Pronunciation in Use*, Elementary, Cambridge University Press (2007)

[3]. Anne Taylor, Garrett Byrne, *Very Easy TOEIC*, 3rd Edition, First News (2016)

6. Các phương pháp dạy học áp dụng cho học phần

STT	CDR	Phương pháp dạy học
1	CLO 1.1: Vận dụng được các kiến thức sơ cấp về phát âm, ngữ pháp, từ vựng trong các ngữ cảnh và tình huống giao tiếp thương mại bằng tiếng Anh.	1. Thuyết trình tích cực: Áp dụng cho các nội dung kiến thức lý thuyết của các học phần.
		2. Hướng dẫn học tập cộng tác: Thiết kế các hoạt động học tập yêu cầu sinh viên làm việc nhóm với phân công vai trò rõ ràng và phản hồi thường xuyên.
		3. Tích hợp công nghệ trong giảng dạy: Sử dụng các phần mềm, các phương tiện trình chiếu, các công cụ minh họa và hệ thống quản lý học tập để tăng hiệu quả truyền đạt của giảng viên và tiếp thu kiến thức của sinh viên.
		4. Hướng dẫn tự học
2	CLO 2.1-1: Nghe hiểu các tình huống giao tiếp thương mại tiếng Anh thông thường với tốc độ nói chậm và rõ ràng.	

	CLO 2.1-2: Giao tiếp bằng tiếng Anh trong các tình huống đơn giản liên quan đến thương mại.	1. Dạy thực hành: Hướng dẫn sinh viên thực hiện bài tập thực hành theo nhóm để trau dồi kỹ năng, củng cố kiến thức, qua đó hình thành, phát triển các năng lực của người học. 2. Hướng dẫn học tập cộng tác: Thiết kế các hoạt động học tập yêu cầu sinh viên làm việc nhóm với phân công vai trò rõ ràng và phản hồi thường xuyên.
	CLO 2.1-3: Đọc hiểu được các văn bản đơn giản thuộc các chủ đề quen thuộc trong thương mại, độ dài từ 100 đến 150 từ.	
	CLO 2.1-4: Viết đúng câu đơn ở các thời hiện tại đơn, quá khứ đơn, và câu so sánh hơn, so sánh nhất.	
3	CLO 3.1: Chủ động đưa ra ý kiến khi thảo luận trong nhóm hoặc thảo luận trong lớp; có khả năng tự học tiếng Anh ngoài giờ lên lớp.	1. Hướng dẫn học tập cộng tác: Thiết kế các hoạt động học tập yêu cầu sinh viên làm việc nhóm với phân công vai trò rõ ràng và phản hồi thường xuyên. 2. Hướng dẫn tự học

7. Nội dung giảng dạy:

Nội dung giảng dạy		LT	BT, TL, TH	KT	CĐR Học phần	Hoạt động học
Buổi 1	* Trước khi vào bài 1, GV giới thiệu ĐCCT học phần Unit 1: Introduction - Vocabularies: <i>Nationalities</i> - Listening: <i>Meeting business contacts</i> - Reading: <i>Angela Ahrendts</i>	2	1		CLO 1.1 CLO 2.1-1 CLO 2.1-3	Ở nhà: SV đọc và chuẩn bị Unit 1 Trên lớp: Nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi, thực hành cá nhân (4,5 giờ)
Buổi 2	Unit 1: Introduction (cont') - Language focus 1: <i>to be</i> - Language focus 2: <i>a/an</i> with jobs, <i>wh-</i> questions - Practice File: Unit 1	2	1		CLO 1.1 CLO 2.1-1 CLO 2.1-3 CLO 2.1-4 CLO 3.1	+ SV làm Practice file Unit 1 + SV nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi, thực hành cá nhân (4,5 giờ)
Buổi 3	Unit 1: Introduction (cont') - Skills: <i>Introducing yourself and others</i> - Case study: <i>A job fair in Singapore</i> - Self-study Material: Unit 1	1	2		CLO 2.1-1 CLO 2.1-2 CLO 2.1-3 CLO 2.1-4 CLO 3.1	+ SV làm BT Self-study Unit 1 + SV nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi, thực hành các kỹ năng cá nhân, cặp, nhóm (4,5 giờ)

Buổi 4	Unit 2: Work and Leisure - Vocabulary 1: <i>Days, months, dates</i> - Reading: <i>Describing your routine</i> - Language focus 1: <i>Present simple</i> - Vocabulary 2: <i>Leisure activities</i>	2	1		CLO 1.1 CLO 2.1-3	+ SV đọc và chuẩn bị bài Unit 2 + SV nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi, thực hành cá nhân (4,5 giờ)
Buổi 5	Unit 2: Work and Leisure (cont') - Listening: <i>Working and relaxing</i> - Language focus 2: <i>Adverbs and expressions of frequency</i> - Practice File: Unit 2	2	1		CLO 1.1 CLO 2.1-1 CLO 2.1-4	+ SV làm Practice file Unit 2 + SV nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi, thực hành cá nhân (4,5 giờ)
Buổi 6	Unit 2: Work and Leisure (cont') - Skills: <i>Talking about work and leisure</i> - Case study: <i>Hudson Design Inc.</i> - Self-study Material: Unit 2		3		CLO 2.1-1 CLO 2.1-2 CLO 2.1-3 CLO 2.1-4 CLO 3.1	+ SV làm BT Self-study Unit 2 + SV nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi, thực hành các kỹ năng cá nhân, cặp, nhóm (4,5 giờ)
Buổi 7	Unit 3: Problems - Vocabulary: <i>Adjectives, too/enough</i> - Listening: <i>Typical work problems</i> - Language focus 1: <i>Present simple: Negatives and questions</i> - Language focus 2: <i>have, some/any</i>	2	1		CLO 1.1 CLO 2.1-1	+ SV đọc và chuẩn bị bài Unit 3 + SV nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi, luyện tập cá nhân, cặp, nhóm (4,5 giờ)
Buổi 8	Unit 3: Problems (cont') - Skills: <i>Telephoning: Solving problems</i> - Case study: <i>High-Style Business Rentals</i> - Practice file Unit 3 - Self-study Material: Unit 3	2	1		CLO 2.1-1 CLO 2.1-2 CLO 2.1-3 CLO 2.1-4 CLO 3.1	+ SV làm Practice file Unit 3 và BT Self-study Unit 3 + SV nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi, thực hành các kỹ năng cá nhân, cặp, nhóm (4,5 giờ)
Buổi 9	Working Across Cultures: <i>1 Eating out</i> Revision Unit A + Progress Test 01 - <i>Knowledge</i> : Units 1-3 - <i>Skills</i> : Reading, Writing		2	1	CLO 2.1-1 CLO 2.1-3 CLO 2.1-4 CLO 1.1 CLO 2.1-1 CLO 2.1-3 CLO 2.1-4	SV thực hành và ôn tập nội dung Units 1-3 Làm bài kiểm tra (4,5 giờ)

Buổi 10	Unit 4: Travel - Vocabulary: <i>Travel details</i> - Listening: <i>A business traveller</i> - Language focus 1: <i>can/can't</i> - Reading: <i>Business hotels</i> - Language focus 2: <i>There is/There are</i>	2	1		CLO 1.1 CLO 2.1-1 CLO 2.1-3	+ SV đọc và chuẩn bị bài Unit 4 + SV nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi, luyện tập cá nhân (4,5 giờ)
Buổi 11	Unit 4: Travel (cont') - Skills: <i>Making bookings and checking arrangements</i> - Practice File: Unit 4	2	1		CLO 2.1-1 CLO 2.1-2 CLO 2.1-3 CLO 2.1-4 CLO 3.1	+ SV làm Practice file Unit 4 + SV nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi, thực hành cá nhân, cặp, nhóm (4,5 giờ)
Buổi 12	Unit 4: Travel (cont') - Case study: <i>The Gustav Conference Centre</i> - Self-study Material: Unit 4	2	1		CLO 2.1-1 CLO 2.1-2 CLO 2.1-3 CLO 2.1-4 CLO 3.1	+ SV làm BT Self-study Unit 4 + SV nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi, thực hành các kỹ năng cá nhân, cặp, nhóm (4,5 giờ)
Buổi 13	Unit 5: Food and Entertaining - Vocabulary: <i>Eating out</i> - Reading: <i>Fast food in India</i> - Language focus 1: <i>some/any</i> - Listening: <i>Entertaining clients</i> - Language focus 2: <i>Countable and uncountable nouns</i>	2	1		CLO 1.1 CLO 2.1-1 CLO 2.1-3	+ SV đọc và chuẩn bị bài Unit 5 + SV nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi, luyện tập cá nhân, cặp, nhóm (4,5 giờ)
Buổi 14	Unit 5: Food and Entertaining (Cont') - Skills: <i>Making decisions</i> - Case study: <i>Which restaurant?</i> - Practice File: Unit 5 - Self-study Material: Unit 5	2	1		CLO 2.1-1 CLO 2.1-2 CLO 2.1-3 CLO 2.1-4 CLO 3.1	+ SV làm Practice file Unit 5 và BT Self-study Unit 5 + SV nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi, thực hành các kỹ năng cá nhân, cặp, nhóm (4,5 giờ)
Buổi 15	Review speaking + Progress Test 02 - <i>Knowledge</i> : Units 1-5 - <i>Skill</i> : Speaking		2	1	CLO 1.1 CLO 2.1-2	Tham gia kiểm tra vấn đáp (4,5 giờ)
Buổi 16	Unit 6: Buying and selling - Vocabulary 1: <i>Choosing a product</i> - Reading: <i>A success story</i> - Language focus 1: <i>Past simple</i>	2	1		CLO 1.1 CLO 2.1-3	+ SV đọc và chuẩn bị bài Unit 6 + SV nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi, luyện tập cá nhân (4,5 giờ)

Buổi 17	Unit 6: Buying and selling (cont') - Vocabulary 2: <i>Choosing a service</i> - Listening: <i>How to sell</i> - Language focus 2: <i>Past time references</i> - Practice File: Unit 6	2	1		CLO 1.1 CLO 2.1-1 CLO 2.1-4	+ SV đọc và chuẩn bị bài Unit 6 + SV nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi, luyện tập cá nhân (4,5 giờ)
Buổi 18	Unit 6: Buying and selling (cont') - Skills: <i>Describing a product</i> - Case study: <i>NP Innovations</i> - Self-study Material: Unit 6	2	1		CLO 2.1-1 CLO 2.1-2 CLO 2.1-3 CLO 2.1-4 CLO 3.1	+ SV làm Practice file Unit 6 và BT Self-study Unit 6 + SV nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi, thực hành các kỹ năng cá nhân, cặp, nhóm (4,5 giờ)
Buổi 19	Working Across Cultures: 2 <i>Communication styles</i> Revision Unit B Unit 7: People - Vocabularies: <i>describing people</i> - Listening: <i>Managing people</i>	1	2		CLO 2.1-1 CLO 2.1-3 CLO 2.1-4 CLO 1.1 CLO 2.1-3 CLO 2.1-4 CLO 3.1	SV thực hành và ôn tập nội dung Units 4-6 (4,5 giờ)
Buổi 20	Unit 7: People - Language focus 1: <i>past simple: negatives and questions</i> - Reading: <i>Andrea Jung</i> - Practice File: Unit 7	2	1		CLO 1.1 CLO 2.3 CLO 2.4 CLO 3.1	+ SV đọc và chuẩn bị Unit 7 + Nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi, luyện tập cá nhân (4,5 giờ)
Buổi 21	Unit 7: People (cont') - Language focus 2: questions form - Skills: <i>Dealing with problems</i> - Case study: <i>Tell us about it</i> - Practice File: Unit 7	1	2		CLO 1.1 CLO 2.1-3 CLO 2.1-4 CLO 3.1	+ SV làm Practice file Unit 7 + SV nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi, làm bài tập (4,5 giờ)
Buổi 22	Unit 8: Advertising - Vocabulary: <i>Avertising and markets</i> - Reading: <i>TV commercials</i> - Language focus 1: <i>Comparative and superlatives</i>	1	2		CLO 1.1 CLO 2.1-3 CLO 2.1-4	+ SV đọc và chuẩn bị bài Unit 8 + SV nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi, luyện tập cá nhân (4,5 giờ)
Buổi 23	Unit 8: Advertising (cont') - Language focus 2: <i>Much/ a lot, a little/a bit</i> - Skills: <i>Participating in discussions</i> - Case study: <i>Excelsior</i> - Practice File: Unit 8	1	2		CLO 1.1 CLO 2.1-1 CLO 2.1-4	+ SV làm Practice file Unit 8 + SV nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi, luyện tập cá nhân (4,5 giờ)

Buổi 24	Revision Unit 6-8 + Prograss Test 3 - Skills: <i>Reading, Writing, Listening</i>		2	1	CLO 2.1-1 CLO 2.1-2 CLO 2.1-3 CLO 1.1 CLO 2.1-1 CLO 2.1-3 CLO 2.1-4	+ SV làm BT Self-study Unit 8 + SV nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi, luyện tập các kỹ năng cá nhân, cặp, nhóm (4,5 giờ)
Buổi 25	Revision: Language review: Unit 1-8	1	2			(4,5 giờ)
Buổi 26	Review for final Test - Self-study Material: Review Units 1-8	1	2		CLO 1.1 CLO 2.1-1 CLO 2.1-3 CLO 2.1-4	SV ôn tập nội dung Units 1-8 (4,5 giờ)
Buổi 27	Tổng kết, hướng dẫn ôn tập		2			SV ôn tập theo hướng dẫn của GV (3 giờ)
Tổng số tiết		37	40	3		120

8. Nhiệm vụ của người học

- Tham gia giờ lên lớp: Tối thiểu 80% số tiết học trên lớp có sự giảng dạy, hướng dẫn trực tiếp của giáo viên;
- Bài tập, thảo luận:
- + Đọc tài liệu, chuẩn bị và tham gia thảo luận theo hướng dẫn của giáo viên.
- + Thực hiện đầy đủ các bài tập cá nhân, bài tập nhóm được giao.
 - Làm bài kiểm tra định kỳ
 - Tham gia thi kết thúc học phần.

9. Đánh giá kết quả học tập và cho điểm

9.1. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo Quy chế đào tạo hiện hành.

9.2. Phương thức đánh giá

Thành phần đánh giá	Trọng số (%)	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	CLO	Trọng số CLO (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Đánh giá chuyên cần	10	Quan sát có cấu trúc: Quan sát và ghi nhận quá trình học tập của sinh viên về tham dự các buổi học, tinh thần, thái độ học tập.	Rubric	CLO 3.1	100%
Đánh giá quá trình					
02 bài kiểm tra trắc nghiệm + tự luận 1 tiết	30	Đánh giá kết hợp: Kết hợp các hình thức đánh giá như trắc nghiệm khách quan, tự luận.	Theo đáp án	CLO1.1 CLO 2.1-1 CLO 2.1-3 CLO 2.1-4	20% 30% 30% 20%
01 bài kiểm tra vấn đáp		Đánh giá theo Rubric: Đánh giá thông qua vấn đáp	Rubric	CLO1.1 CLO2.2	100%

Đánh giá kết thúc					
Bài trắc nghiệm + tự luận 60 phút	60	Trắc nghiệm + Tự luận	Theo đáp án	CLO1.1 CLO 2.1-1 CLO 2.1-3 CLO 2.1-4	20% 30% 30% 20%

9.3. Các Rubric đánh giá kết quả học tập

9.3.1 Các Rubric đánh giá bài kiểm tra tự luận trong kỳ và thi tự luận hết học phần

Tiêu chí đánh giá	Mức chất lượng	Thang điểm
– Tham gia học tập hoặc các hoạt động từ 80% thời gian – Thực hiện công việc đúng tiến độ với chất lượng tốt – Tham gia tích cực các hoạt động của doanh nghiệp – Ý thức, thái độ thực tập và chấp hành quy định của doanh nghiệp tốt và được doanh nghiệp đánh giá cao	Mức A (Vượt quá mong đợi)	8,5 - 10
– Tham gia học tập hoặc các hoạt động từ 80% thời gian – Thực hiện công việc đúng tiến độ nhưng chất lượng công việc còn một số hạn chế – Tham gia tích cực các hoạt động của doanh nghiệp – Ý thức, thái độ thực tập và chấp hành quy định của doanh nghiệp tốt	Mức B (Đáp ứng được mong đợi)	7,0 - 8,4
– Tham gia học tập hoặc các hoạt động từ 80% thời gian – Thực hiện công việc đúng tiến độ nhưng chất lượng công việc còn nhiều hạn chế nhưng sửa chữa kịp thời theo hướng dẫn của giáo viên – Chưa tích cực tham gia các hoạt động của doanh nghiệp – Ý thức, thái độ thực tập và chấp hành quy định của doanh nghiệp chưa cao	Mức C (Đạt, song cần cải thiện)	5,5 - 6,9
– Tham gia học tập hoặc các hoạt động dưới 80% thời gian – Thực hiện công việc không đúng tiến độ, chất lượng công việc không đáp ứng yêu cầu – Chưa tích cực tham gia các hoạt động của doanh nghiệp – Ý thức, thái độ thực tập và chấp hành quy định của doanh nghiệp không tốt.	Mức D (Chưa đạt)	4,0 - 5,4

9.3.2 Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí đánh giá	Mức chất lượng	Thang điểm
– Tham gia học tập trên lớp đạt trên 95% số tiết học – Tham gia tích cực thảo luận trên lớp – Ý thức, thái độ học tập tốt	Mức A (Vượt quá mong đợi)	8,5 - 10
– Tham gia học tập trên lớp đạt từ 90-95% số tiết học – Có tham gia thảo luận trên lớp – Ý thức, thái độ học tập tốt	Mức B (Đáp ứng được mong đợi)	7,0 - 8,4
– Tham gia học tập trên lớp đạt từ 85-90% số tiết học – Ít tham gia thảo luận trên lớp	Mức C (Đạt, song cần cải thiện)	5,5 - 6,9

– Ý thức, thái độ học tập chưa cao		
– Tham gia học tập trên lớp đạt từ 80-85% số tiết học	Mức D (Chưa đạt)	4,0 - 5,4
– Không tham gia thảo luận trên lớp		
– Ý thức, thái độ học tập không nghiêm túc		

9.3.3 Rubric đánh giá bài thi vấn đáp

Các tiêu chí	8.5 – 10.0 (Điểm A)	7.0 – 8.4 (Điểm B)	5.5 – 6.9 (Điểm C)	4.0 – 5.4 (Điểm D)	Dưới 4.0 (Điểm F – Không đạt)
1. Fluency (Độ trôi chảy)	Nói được đúng chủ đề trong thời gian cho phép, có thể nghe và đáp lại câu hỏi, có khả năng phát triển ý cho câu trả lời dài hơn.	Nói được đúng chủ đề trong thời gian cho phép, có thể nghe và đáp lại câu hỏi, ít phát triển ý cho câu trả lời.	Nói được đúng chủ đề trong thời gian cho phép, có thể nghe và đáp lại câu hỏi tuy còn ngập ngừng, chưa phát triển ý cho câu trả lời.	Không nói được nhiều về chủ đề trong thời gian cho phép, nhưng không bị lạc đề, nghe và đáp lại được ít câu hỏi, chưa phát triển được ý cho câu trả lời	Không nói được về chủ đề hoặc nói rất ít, không trả lời được hoặc trả lời rất ít câu hỏi.
2. Pronunciation (Phát âm)	Phát âm chuẩn, rõ ràng, có ngữ điệu, dễ hiểu	Đôi khi còn phát âm chưa chính xác nhưng không gây hiểu nhầm	Phát âm còn khá nhiều lỗi, đôi khi gây hiểu lầm	Phát âm sai thường xuyên và gây khó khăn cho người nghe	Lời nói thường không thể hiểu được
3. Grammar (Ngữ pháp)	Sử dụng linh hoạt các cấu trúc ngữ pháp mặc dù vẫn có thể có lỗi	Sử dụng kết hợp các cấu trúc, thường xuyên mắc lỗi với các cấu trúc phức nhưng hiếm khi khó hiểu	Sử dụng nhiều câu đơn và có thể gây khó hiểu	Mắc nhiều lỗi ngoại trừ các cách diễn đạt được ghi nhớ	Không thể tạo mẫu câu cơ bản
4. Vocabulary (Từ vựng)	Thí sinh sử dụng từ vựng đa dạng theo chủ đề được hỏi, có thể	Có thể nói về các chủ đề quen thuộc, ít thay đổi cách diễn đạt	Sử dụng từ vựng đơn giản để truyền đạt thông tin cá nhân	Chỉ đưa ra được các từ rời rạc hoặc lời nói đã ghi nhớ	Không thể giao tiếp, không có ngôn ngữ được đánh giá

	thay đổi cách diễn đạt				
--	---------------------------	--	--	--	--

Viện trưởng

Trưởng bộ môn

Người soạn đề cương

TS. Trương Văn Nam

ThS. Lê Thị Yến

ThS. Phạm Thị Thu Nga